

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số: 58/2019/HSST.

Ngày: 24/9/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K – TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Quang Ngọc;

2/ Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thanh Thủy**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 08/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/QĐST-HS, ngày 02/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 108, ngày 27/8/2019 đối với bị cáo:

H.A.T, sinh ngày: 28/9/1994 tại H. Nơi ĐKKHKT: 26/113/96 C, phường D.H.K, quận L.C, thành phố H.Nghềngiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 07/12. Con ông N, sinh năm 1972 và bà H, sinh năm 1971 (*đã chết*), Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai chị em; tiền sự: không.

Tiền án 01: Ngày 18/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận L.C, thành phố H xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 08/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù (*chưa được xóa án tích*).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K thay thế biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh, tại ngoại cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Trú tại: 316 Đ, tổ 5, phường L, thành phố K, tỉnh K.

2. Ông H.T, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Trú tại: 71 L.T.H, phường L, thành phố K, tỉnh K.

3. Bà C.T.H, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn P I, xã V, thành phố K, tỉnh K.

4. Bà V.T.L, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Trú tại: 146 Trần Nhân Tông, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

5. Bà Đặng Thị Quý, sinh năm 1962;(vắng mặt)
Trú tại: 05/1 Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.

6. Bà Bùi Thị Hồng Lụa, sinh năm 1976;(vắng mặt)
Trú tại: 16 Trần Tế Xương, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

7. Bà Ngô Thị Nga, sinh năm 1975;(vắng mặt)
Trú tại: 279/2 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

8. Anh Phạm Minh Hưng, sinh năm 1986;(vắng mặt)
Trú tại: 218 Hoàng Thị Loan, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.

9. Chị Lê Thị Lan Thanh; sinh năm 1978;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 26 Trần Đại Nghĩa, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K.

10. Ông Võ Văn Vĩnh, sinh năm 1979;(vắng mặt)
Trú tại: 26 Phan Huy Chú, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

11. Chị Phan Thị Duy Lại, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Trú tại: 146 Ngô Quyền, thành phố K, tỉnh K.

12. Chị Lê Thị Hoàng Trang, sinh năm 1977;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 104 Nơ Trang Long, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

13. Chị Lâm Thị Hương, sinh năm 1975;(vắng mặt)
Trú tại: 50 Dã Tượng, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

14. Ông Nguyễn Văn Thọ, sinh năm 1958;(vắng mặt)
Trú tại: 263 Phan Chu Trinh, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

15. Anh Hà Mạnh Dũng, sinh năm 1971;(vắng mặt)
Trú tại: 180 Nguyễn Thiện Thuận, thành phố K, tỉnh K.

16. Bà Đoàn Thị Duyên, sinh năm 1958;(vắng mặt)
Trú tại: 45 Hàm Nghi, thành phố K, tỉnh K.

17. Anh Võ Thanh Hùng, sinh năm 1988;(vắng mặt)
Trú tại: 71/7 Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K.

18. Chị Nguyễn Thị Ái Diễm, sinh năm 1988;(vắng mặt)
Trú tại: 119 Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.

19. Anh Nguyễn Văn Phụng, sinh năm 1974;(vắng mặt)
Trú tại: Thôn 4, xã Chư Hreng, thành phố K, tỉnh K.

20. Anh Nguyễn Hoàng Ngọc, sinh năm 1988;(vắng mặt)
Trú tại: 109 Bà Triệu, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.

21. Chị Phạm Đặng Thị Mỹ Hiền, sinh năm 1985;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, phường L, thành phố K, tỉnh K.

22. Chị Lê Thị Thơm, sinh năm 1979;(vắng mặt)
Trú tại: 06 Cao Bá Quát, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.

23. Ông Nguyễn Thành Long, sinh năm 1983;(vắng mặt)
Trú tại: 15/15 Đặng Thái Huyền, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.

24. Chị Hàn Ngọc Tuyết, sinh năm 1977;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm Lê Thị Hồng Gấm, làng Plei Rơ Hai 1, phường L, thành phố K, tỉnh K.

25. Chị Phạm Thị Kim Vy, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Trú tại: 137/18 Huỳnh Thúc Kháng, phường Quang Trung, thành phố K.

26. Anh Hà Văn Đệ, sinh năm 1976;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 6, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K.
27. Chị Trần Thị Thắm, sinh năm 1982;(vắng mặt)
Trú tại: 184 Nguyễn Thiện Thuận, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.
28. Anh Nguyễn Hữu Thọ, sinh năm 1991;(vắng mặt)
Trú tại: 285/21 Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
29. Chị Phạm Thị Kim Oanh, sinh năm 1978;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 168 đường Duy Tân, thôn Kon Tu 2, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.
30. Chị Trương Thị Thảo, sinh năm 1987;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 240 U rê, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
31. Chị Lê Thị Ánh, sinh năm 1978; (vắng mặt)
Trú tại: Thôn 3, xã Hòa Bình, thành phố K, tỉnh K.
32. Chị Võ Thị Công, sinh năm 1987;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 5, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K.
33. Ông Đào Quốc Vịnh, sinh năm 1947;(vắng mặt)
Trú tại: 57/1 Ngô Quyền, phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K.
34. Anh Lê Anh Nam, sinh năm 1976;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 01/2 Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.
35. Chị Văn Thị Nguyệt, sinh năm 1986;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 24/22/4 Huỳnh Thúc Kháng, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.
36. Bà Nguyễn Thị Qua, sinh năm 1964;(vắng mặt)
Trú tại: Thôn 5, xã Hòa Bình, thành phố K, tỉnh K.
37. Bà Bùi Thị Sang, sinh năm 1963;(vắng mặt)
Trú tại: 137 Trần Nhân Tông, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
38. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hồng, sinh năm 1963;(vắng mặt)
Trú tại: 61/5 Trương Quang Trọng, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.
39. Chị Nguyễn Thị Diễm Phúc, sinh năm 1992;(vắng mặt)
Trú tại: 426 Hùng Vương, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.
40. Anh Nguyễn Chánh Thi, sinh năm 1979;(vắng mặt)
Trú tại: 334/54 Sư Vạn Hạnh, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
41. Anh Lê Duy Lam, sinh năm 1985;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
42. Chị Nguyễn Thị Thi, sinh năm 1977;(vắng mặt)
Trú tại: 36/2 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
43. Bà Lê Thị Kim Nga, sinh năm 1969;(vắng mặt)
Trú tại: 14/2 Nguyễn Thượng Hiền, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.
44. Ông Phạm Hữu Hạnh, sinh năm 1960;(vắng mặt)
Trú tại: 372 Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
45. Chị Thạch Mỹ Dung, sinh năm 1981;(vắng mặt)
Trú tại: 81 Trương Hán Siêu, thành phố K, tỉnh K.
46. Anh Nguyễn Duy Khanh, sinh năm 1973;(vắng mặt)
Trú tại: 72 Hồ Tùng Mậu, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.

47. Bà Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1962;(vắng mặt)
Trú tại: 31 L.T.H, phường L, thành phố K, tỉnh K.
48. Chị Phạm Thị Thúy Hà, sinh năm 1977;(vắng mặt)
Trú tại: 77 Đồng Nai, phường L, thành phố K, tỉnh K.
49. Chị Văn Thị Kim Hà, sinh năm 1971;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2, phường Ngô Mỹ, thành phố K, tỉnh K.
50. Chị Trần Thị Kim Phụng, sinh năm 1970;(vắng mặt)
Trú tại: Khu làng nghề H'nor, tổ 2, phường L, thành phố K, tỉnh K.
51. Chị Lê Thị Sang, sinh năm 1983;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 307 đường Duy Tân, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.
52. Anh Nguyễn Khắc Hưng, sinh năm 1974;(vắng mặt)
Trú tại: 104 Trần Nhật Duật, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
53. Chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1980;(vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2, phường Ngô Mỹ, thành phố K, tỉnh K.
54. Chị Võ Thị Minh Châu, sinh năm 1988;(vắng mặt)
Trú tại: Đường Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, thành phố K, tỉnh K.
55. Chị Đặng Thị Thu Hương, sinh năm 1980;(vắng mặt)
Trú tại: Hẻm 25 Cù Chính Lan, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.
56. Bà Võ Thị Đào, sinh năm 1959;(vắng mặt)
Trú tại: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã V, thành phố K, tỉnh K.
57. Bà Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1969;(vắng mặt)
Trú tại: 87 Trần Văn Ơn, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.
58. Anh Lưu Thanh Hoàng, sinh năm 1974;(vắng mặt)
Trú tại: 59 Lê Viết Lượng, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
59. Anh Phạm Xuân Thiện, sinh năm 1971;(vắng mặt)
Trú tại: 86 Lương Thế Vinh, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K.
60. Chị Trần Thị Thanh Hòa, sinh năm 1970;(vắng mặt)
Trú tại: 69/9 Trương Quang Trọng, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.
61. Chị Nguyễn Thị Hồng Giang, sinh năm 1988;(vắng mặt)
Trú tại: 71 Nguyễn Viết Xuân, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
62. Anh Nguyễn Minh Hoan, sinh năm 1979;(vắng mặt)
Trú tại: 137/7 Huỳnh Thúc Kháng, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.
63. Chị Lê Thị Cúc, sinh năm 1981;(vắng mặt)
Trú tại: 317/5 Trần Văn Hai, phường Thắng Lợi, thành phố K, tỉnh K.
64. Anh Nguyễn Anh Tú, sinh năm 1999;(vắng mặt)
Trú tại: 108 Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
65. Anh Trần Văn Quang, sinh năm 1987;(vắng mặt)
Trú tại: 108 Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
66. Anh Phạm Văn Hiền, sinh năm 1977;(vắng mặt)
Trú tại: 108 Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K.
67. Ông Lý Thiết Long;(vắng mặt)
Trú tại: Thôn An Phú, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố H.
68. Anh Bùi Quang Duy, sinh năm 1995;(vắng mặt)
Trú tại: Số 12/11/229 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận L.C, thành phố H.

Hiện đang điều trị cai nghiện tại địa chỉ: Thôn 5, xã Biên Hồ, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai.

69. Ông Phùng Văn Cảnh, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Trú tại: Số 916 Hai Bà Trưng, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

70. Bà Lý Thị Ngọc Thu; (vắng mặt)

Trú tại: Số 916 Hai Bà Trưng, phường Quyết Thắng, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2019, tổ công tác phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh K tiến hành kiểm tra và khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo H.A.T tại số 108 Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K. Là nơi bị cáo Tú thuê để kinh doanh theo giấy phép “*mua bán và cho thuê ô tô, xe máy*” nhưng thực chất là cho vay trả góp. Cơ quan điều tra đã thu giữ nhiều tài liệu, đồ vật có liên quan đến hoạt động cho vay trả góp với lãi suất cao của Tú, cụ thể như sau:

Tháng 8 năm 2018, sau khi được Bùi Quang Duy để lại cơ sở kinh doanh mua bán và cho thuê ô tô, xe máy, H.A.T được một người bạn tên Trung (*không rõ nhân thân lai lịch*) đầu tư vốn để thuê Tú sử dụng cơ sở kinh doanh của Duy để lại để cho vay trả góp. Trung đưa cho Tú 110.000.000 (*một trăm mười triệu đồng*), và hướng dẫn Tú cách thức cho trả góp và trả lương cho Tú 8.000.000 đồng/tháng. Sau đó, bị cáo H.A.T đã in các tờ rơi có nội dung “*Cho vay tiền mặt – Thủ tục đơn giản – Giải ngân trong ngày – Yêu cầu Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu gốc – Điện thoại 01656793181*”(sau này đổi thành 0356793181) rồi thuê Trần Văn Quang và Phạm Văn Hiền đi dán các tờ rơi trên tường, trụ cột điện tại khu vực thành phố K. Khi có người vay tiền điện thoại, bị cáo Tú là người trực tiếp nghe và nói người vay đến địa chỉ 108 Nguyễn Trường Tộ, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K để thỏa thuận cách thức vay tiền và trả tiền.

Cơ quan điều tra đã xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến ngày 03/01/2019, bị cáo H.A.T đã cho 69 người vay tiền với 123 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 1.073.000.000 đồng (*một tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng*), tiền lãi thu được là 142.515.000 đồng (*một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng*). Trong đó 63 người vay với 114 lần vay tiền, tổng số tiền cho vay là 1.004.000.000 đồng (*một tỷ, không trăm linh bốn nghìn triệu đồng*); số tiền lãi thu được là 132.975.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính theo quy định gấp 5 lần là 60.194.178 đồng (*sáu mươi triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm bảy mươi tám đồng*). Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 27/11/2018 chị H vay 05 lần, với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, đã trả 24.625.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 4.925.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 4.385.275 đồng.

2. Từ ngày 10/10/2018 đến ngày 26/12/2018 bà Bùi Thị Hồng Lua vay 03 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 12.750.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.550.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.270.548 đồng.

3. Ngày 10/12/2018 bà Bùi Thị Sang vay 01 lần, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 5.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.100.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 979.453 đồng.

4. Từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/12/2018 bà C.T.H vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 24.000.000 đồng, đã trả 19.800.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.960.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.526.029 đồng.

5. Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 25/12/2018 bà Đặng Thị Thu Hương vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 9.650.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.250.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.113.014 đồng.

6. Từ ngày 10/10/2018 đến ngày 08/12/2018 Bà Đặng Thị Quý vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, đã trả 12.195.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.345.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.088.015 đồng.

7. Từ ngày 29/9/2018 đến ngày 15/12/2018 anh Đào Quốc Vịnh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 7.375.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.475.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.313.357 đồng.

8. Từ ngày 12/10/2018 đến ngày 11/12/2018 bà Đoàn Thị Duyên vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, đã trả 21.350.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 4.300.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.828.768 đồng.

9. Từ ngày 11/9/2018 đến ngày 22/12/2018 ông Hà Mạnh Dũng vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 6.625.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.325.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.179.795 đồng.

10. Từ ngày 27/8/2018 đến ngày 30/11/2018 ông Hà Văn Đệ vay 03 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 18.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.205.480 đồng.

11. Ngày 05/12/2018 bà Hàn Ngọc Tuyết vay số tiền là 10.000.000 đồng, đã trả 6.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.300.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.157.535 đồng.

12. Từ ngày 08/11/2018 đến ngày 22/12/2018 ông H.T vay 05 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 17.540.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.460.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.080.823 đồng.

13. Từ ngày 26/11/2018 đến ngày 20/12/2018 bà Lâm Thị Hương vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 13.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.700.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.404.110 đồng.

14. Ngày 06/12/2018 anh Lê Anh Nam vay số tiền 15.000.000 đồng, đã trả 10.075.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.025.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.803.083 đồng.

15. Ngày 21/12/2018 anh Lê Duy Lam vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả 4.450.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 900.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 801.370 đồng.

16. Từ ngày 24/11/2018 đến ngày 21/12/2018 chị Lê Thị Ánh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 6.625.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.325.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.179.795 đồng.

17. Từ ngày 10/9/2018 đến ngày 27/11/2018 chị Lê Thị Cúc vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 9.000.000 đồng, đã trả 8.750.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.700.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.513.699 đồng.

18. Từ ngày 23/10/2018 đến ngày 07/12/2018 chị Lê Thị Hoàng Trang vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 6.575.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.325.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.179.795 đồng.

19. Từ ngày 06/11/2018 đến ngày 15/12/2018 chị Lê Thị Kim Nga vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 14.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.900.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.582.192 đồng.

20. Từ ngày 10/11/2018 đến ngày 30/11/2018 chị Lê Thị Lan Thanh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 18.250.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.650.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.250.000 đồng.

21. Ngày 07/12/2018 chị Lê Thị Sang vay số tiền 30.000.000 đồng, đã trả 23.700.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 4.050.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.606.165 đồng.

22. Ngày 16/12/2018 chị Lê Thị Thơm vay số tiền 5.000.000 đồng, đã trả 1.925.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 375.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 333.905 đồng.

23. Ngày 29/11/2018 anh Lưu Thanh Hoàng vay số tiền 13.000.000 đồng, đã trả 13.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.315.069 đồng.

24. Từ ngày 02/10/2018 đến ngày 26/12/2018 chị Ngô Thị Nga vay 03 lần, với tổng số tiền vay là 27.000.000 đồng, đã trả 14.350.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.850.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.537.672 đồng.

25. Ngày 04/12/2018 chị Nguyễn Ái Diễm vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.671.233 đồng.

26. Từ ngày 25/11/2018 đến ngày 13/12/2018 anh Nguyễn Chánh Thi vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, đã trả 10.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.100.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.869.864 đồng.

27. Ngày 14/12/2018 ông Nguyễn Duy Khanh vay số tiền 15.000.000 đồng, đã trả 6.875.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.425.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.268.836 đồng.

28. Ngày 27/12/2018 anh Nguyễn Hoàng Ngọc vay số tiền 50.000.000 đồng, đã trả 12.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.500.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.226.028 đồng.

29. Từ ngày 05/9/2018 đến ngày 01/12/2018 anh Nguyễn Hữu Thọ vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 18.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.600.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.205.480 đồng.

30. Từ ngày 24/10/2018 đến ngày 24/12/2018 anh Nguyễn Khắc Hưng vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 11.000.000 đồng, đã trả 9.290.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.620.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.442.467 đồng.

31. Từ ngày 04/11/2018 đến ngày 30/11/2018 anh Nguyễn Minh Hoan vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 4.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.561.644 đồng.

32. Ngày 09/12/2018 anh Nguyễn Thành Long vay số tiền vay 5.000.000 đồng, đã trả 2.875.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 575.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 511.987 đồng.

33. Từ ngày 18/10/2018 đến ngày 16/12/2018 bà Nguyễn Thị Dư vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 15.050.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.950.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.626.713 đồng.

34. Từ ngày 07/12/2018 đến ngày 26/12/2018 chị Nguyễn Thị Hồng Giang vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 16.000.000 đồng, đã trả 15.080.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.960.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.745.206 đồng.

35. Ngày 14/12/2018 chị Nguyễn Thị Ngọc Hồng vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 890.411 đồng.

36. Ngày 05/12/2018 bà Nguyễn Thị Qua vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 7.250.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.450.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.291.096 đồng.

37. Ngày 17/12/2018 chị Nguyễn Thị Thi vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 4.800.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 900.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 801.370 đồng.

38. Ngày 25/12/2018 chị Nguyễn Thị Thu Hương vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 6.200.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 400.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 356.165 đồng.

39. Từ ngày 22/10/2018 đến ngày 08/12/2018 chị Nguyễn Thị Thủy vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, đã trả 11.660.000 đồng tiền gốc, lãi

đã thu 2.170.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.932.193 đồng.

40. Ngày 19/12/2018 ông Nguyễn Văn Phụng vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 400.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 356.165 đồng.

41. Từ ngày 21/10/2018 đến ngày 17/12/2018 ông Nguyễn Văn Thọ vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 14.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.900.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.582.192 đồng.

42. Ngày 21/12/2018 chị Phạm Đặng Thị Mỹ Hiền vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả 6.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.300.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.157.535 đồng.

43. Từ ngày 08/11/2018 đến ngày 25/12/2018 ông Phạm Hữu Hạnh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 12.250.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.450.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.181.507 đồng.

44. Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 08/12/2018 anh Phạm Minh Hưng vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 13.950.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.800.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.493.151 đồng.

45. Từ ngày 16/10/2018 đến ngày 04/12/2018 chị Phạm Thị Kim Oanh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 8.630.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.725.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.535.959 đồng.

46. Ngày 19/12/2018 chị Phạm Thị Kim Vy vay số tiền 5.000.000 đồng, đã trả 1.425.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 275.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 244.864 đồng.

47. Ngày 27/12/2018 chị Phạm Thị Thúy Hà vay số tiền 30.000.000 đồng, đã trả 6.750.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.350.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.202.055 đồng.

48. Từ ngày 14/11/2018 đến ngày 14/12/2018 anh Phạm Xuân Thiện vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 9.025.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.475.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.313.357 đồng.

49. Từ ngày 17/9/2018 đến ngày 24/12/2018 chị Phan Thị Duy Lại vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 12.250.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.450.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.181.507 đồng.

50. Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 26/12/2018 chị Thạch Mỹ Dung vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 12.750.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.550.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.270.549 đồng.

51. Từ ngày 07/10/2018 đến ngày 12/12/2018 chị Trần Thị Kim Phượng vay số tiền 20.000.000 đồng, đã trả 17.900.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.100.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.760.275 đồng.

52. Từ ngày 21/10/2018 đến ngày 11/12/2018 chị Trần Thị Thắm vay 03 lần, với tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng, đã trả 15.675.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.135.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.791.440 đồng.

53. Từ ngày 25/9/2018 đến ngày 05/12/2018 chị Trần Thị Thanh Hòa vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 17.000.000 đồng, đã trả 17.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 3.400.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 3.027.398 đồng.

54. Từ ngày 08/10/2018 đến ngày 08/12/2018 chị Trịnh Thị Diễm Phúc vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, đã trả 11.200.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.240.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 994.522 đồng.

55. Ngày 10/11/2018 chị Trương Thị Thảo vay số tiền 10.000.000 đồng, đã trả 6.300.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.250.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.113.014 đồng.

56. Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 16/12/2018 chị Văn Thị Kim Hà vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng, đã trả 5.250.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.050.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 951.370 đồng.

57. Ngày 09/12/2018 bà Văn Thị Nguyệt vay số tiền 15.000.000 đồng, đã trả 10.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.950.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.736.302 đồng.

58. Từ ngày 28/11/2018 đến ngày 25/12/2018 chị V.T.L vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 6.375.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.275.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.135.275 đồng.

59. Ngày 22/12/2018 anh Võ Thanh Hùng vay số tiền 7.000.000 đồng, đã trả 2.100.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 420.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 373.973 đồng.

60. Từ ngày 24/11/2018 đến ngày 22/12/2018 bà Võ Thị Công vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã trả 6.500.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.300.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 1.157.535 đồng.

61. Từ ngày 10/11/2018 đến ngày 06/12/2018 bà Võ Thị Đào vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, đã trả 15.550.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 2.950.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.626.713 đồng.

62. Từ ngày 22/12/2018 đến ngày 23/12/2018 chị Võ Thị Minh Châu vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng, đã trả 8.000.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu 1.000.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 890.412 đồng.

63. Từ ngày 23/10/2018 đến ngày 21/11/2018 anh Võ Văn Vĩnh vay 02 lần, với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng, đã trả 12.960.000 đồng tiền gốc, lãi đã thu

2.590.000 đồng. Bị cáo thu lợi bất chính số tiền lãi cao hơn 20%/ năm là 2.306.166 đồng.

Ngoài số người liên quan Cơ quan CSĐT đã điều tra, xác minh làm rõ trong vụ án, còn 06 người đang vay và nợ tiền của bị cáo Tú với 09 lần vay, tổng số tiền cho vay là 69.000.000 đồng (*sáu mươi chín triệu đồng*), số tiền lãi thu được là 9.540.000 đồng (*chín triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hiện tại 06 người vay này đã đi khỏi địa phương, hiện không rõ đang làm gì, ở đâu? Nên cơ quan điều tra chưa làm rõ được.

Vật chứng vụ án:

- Tạm giữ của bị cáo Tú 6.450.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) Tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành. Hiện số tiền trên đã được gửi vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K;

- 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba màu đen của H.A.T (*đã được niêm phong*);

- 01 USB màu đen, trên USB có chữ “Tran Scend 4G” và 01 USB màu ghi trên USB có chữ “Kingmax 8G”, hai USB trên của H.A.T đã được niêm phong;

- 03 điện thoại di động H.A.T dùng để nghe và gọi điện giao dịch với khách vay tiền: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen có số imei 353423093192240; 01 điện thoại di động NOKIA màu trắng đen có số imei 357328087747600; 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh đen có số imei 1 là 357339083307844, số imei 2 là 357339086307841;

- 01 tập giấy dán tường gồm 14 tờ có nội dung “CHO VAY TIỀN MẶT ĐT: 0868920589”;

- 01 Sổ hộ khẩu số 350000955 và 01 chứng minh nhân dân số 233098126 đều mang tên Văn Thị Kim Hà;

- 01 tập tài liệu khổ giấy A4 (*tài liệu mẫu hồ sơ vay*) gồm “Giấy thuê xe”, “Giấy bàn giao xe” gồm 12 tờ được đánh số từ 01 đến 12 trên mỗi tờ có chữ ký của H.A.T.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 38A8011077 ngày 08/12/2016 tên chủ đại diện hộ kinh doanh là Lý Thiết Long, sinh năm 1994; tên hộ kinh doanh “108 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ”.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên Trung là người thuê và trả lương cho bị cáo để quản lý việc cho vay trả góp cho Trung. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch của đối tượng này nhưng chưa xác định được. Ngoài ra, bị cáo khai nhận vào tối ngày 27/12/2018 Trung cử người tới cơ sở cho vay của bị cáo lấy sổ ghi chép và hồ sơ của người vay mang đi để kiểm tra nhưng không biết đi đâu, đến nay Cơ quan điều tra chưa thu giữ được những hồ sơ này.

Đối tượng Trần Văn Quang và Phạm Văn Hiền được Tú thuê đi dán giấy tờ rơi quảng cáo cho bị cáo Tú và thường xuyên chở bị cáo đi đến nhà người vay tiền để xác minh theo yêu cầu của bị cáo, Quang và Hiền không biết việc bị cáo cho vay tiền như thế nào, lãi suất ra sao, Quang và Hiền cũng không trực tiếp giao dịch với người vay tiền.

Đối với Lý Thiết Long; Bùi Quang Duy: Long là người đứng tên đại diện hộ kinh doanh “Số 108 Nguyễn Trường Tộ, thành phố K”, theo hợp đồng ủy quyền

ngày 18/4/2017 thì Long ủy quyền cho Bùi Quang Duy toàn quyền quản lý, điều hành cơ sở hộ kinh doanh này. Sau đó ngày 23/8/2018, Bùi Quang Duy ủy quyền lại cho bị cáo H.A.T để bị cáo quản lý cơ sở kinh doanh nên bản thân Long và Duy không biết bị cáo đã sử dụng cơ sở kinh doanh này để thực hiện hành vi “*cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-P2 ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K truy tố bị cáo H.A.T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 01 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị xử phạt:

Bị cáo H.A.T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

Buộc bị cáo nộp số tiền gốc dùng để thực hiện việc cho vay sung ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt quá 20%/ năm là 117.418.876 đồng cho những người đã vay tiền của bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất hướng xử lý vật chứng và bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến ngày 03/01/2019, bị cáo H.A.T đã cho 63 người vay với 114 lần vay tiền, tổng số tiền cho vay là 1.004.000.000 đồng (*một tỷ, không trăm linh bốn nghìn triệu đồng*); số tiền lãi thu được là 132.975.000 đồng (*một trăm ba mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), số tiền thu lợi bất chính vượt quá 20%/ năm là 117.418.876 đồng (*Một trăm mười bảy triệu*

bốn trăm mười tám nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), Số tiền lãi không vượt quá 20%/ năm là 15.556.124 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*). Tổng số tiền gốc mà bị cáo đã thu được là 679.495.000 đồng, số tiền gốc mà bị cáo chưa thu được là 324.505.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo H.A.T khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra trên địa bàn thành phố K và một số vùng lân cận xung quanh thành phố K từ tháng 08 năm 2018. Lời khai của bị cáo (bút lục 121-133) Biên bản hỏi cung và ghi lời khai bị cáo (bút lục 77 – 120) phù hợp với các tang, vật chứng đã thu giữ được như: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng thuê nhà, tiền VNĐ, Sổ (hồ sơ) vay tiền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, sổ ghi chép khách hàng, hợp đồng vay tiền mẫu... đã được liệt kê trong biên bản thu giữ tài liệu (*bút lục số 47-48-49*) (52-> 70), phù hợp với lời khai của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan (*bút lục 108-303*) đã vay tiền của bị cáo, và lời khai của người làm chứng. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thể hiện: Tùy theo nhu cầu vay có thể vay khoản tiền từ 3.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, bị cáo sẽ đến nhà người vay để xác minh, nghề nghiệp, tình trạng thu nhập để quyết định số tiền cho vay; cách thức cho vay trả góp là người vay sẽ trả góp từng ngày một khoản tiền kể từ ngày vay tương ứng với số tiền vay chia đều cho 40 ngày bao gồm cả lãi và gốc. Lãi suất được tính 5.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất là 182,5%/1 năm so với tiền gốc. Vượt quá 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Hành vi của bị cáo H.A.T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo H.A.T đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật bảo vệ là trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, ngoài ra hành vi của bị cáo còn có thể làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, sức khỏe của những người vay. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết việc làm của mình trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện để vụ lợi cá nhân đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Bị cáo H.A.T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 18/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận L.C, thành phố H xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 08/02/2018 chấp hành xong hình phạt tù (*chưa được xóa án tích*). Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, bị cáo còn phải chịu khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung. HĐXX xét thấy bị cáo hiện nay không có công việc ổn định; không có nguồn thu nhập ổn định nên

quyết định miễn khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*)

[6] Ngoài ra còn một số người đang vay và nợ tiền của bị cáo. Nhưng Hiện nay những người vay nay đều đã vắng mặt tại địa phương Cơ quan CSĐT không làm rõ được. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra công an tỉnh K tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đối với những người vay này.

[7] Đối với số tiền gốc 679.495.000 đồng và số tiền lãi không vượt quá 20%/năm là 15.556.124 đồng, bị cáo đã thu được khi cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay tương ứng với lãi suất là 182,5%/1 năm, vượt quá 05 lần so với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là tiền mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo giao nộp để tịch thu sung công quỹ vào ngân sách nhà nước. Bị cáo phải nộp lại số tiền 679.495.000 đồng + 15.556.124 đồng – 6.450.000 đồng = **688.601.124 đồng (Sáu trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm linh một nghìn một trăm hai mươi bốn đồng)**; (trong đó: tiền gốc bị cáo cho vay đã thu được là 679.495.000 đồng + 15.556.124 đồng tiền lãi không vượt quá 20%/năm - 6.450.000 đồng đã thu giữ được của bị cáo)

Số tiền 324.505.000 đồng là tiền gốc mà người đi vay chưa trả cho bị cáo nhưng đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần buộc người đi vay giao nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo H.A.T phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt quá 20%/năm là 117.418.876 đồng cho những người đã vay tiền của bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 6.450.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) Tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành; 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba màu đen của H.A.T (*đã được niêm phong*); 01 USB màu đen, trên USB có chữ “Tran Scend 4G” và 01 USB màu ghi trên USB có chữ “Kingmax 8G”, hai USB trên của H.A.T đã được niêm phong; 03 điện thoại di động H.A.T dùng để nghe và gọi điện giao dịch với khách vay tiền: 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen có số imei 353423093192240; 01 điện thoại di động NOKIA màu trắng đen có số imei 357328087747600; 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh đen có số imei 1 là 357339083307844, số imei 2 là 357339086307841 đây là những phương tiện, công cụ phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 tập giấy dán tường gồm 14 tờ có nội dung “CHO VAY TIỀN MẶT ĐT: 0868920589”; 01 tập tài liệu khổ giấy A4 (tài liệu mẫu hồ sơ vay) gồm “Giấy thuê xe”, “Giấy bàn giao xe” gồm 12 tờ được đánh số từ 01 đến 12 trên mỗi tờ có chữ ký của H.A.T, tài liệu là vật gọn nhẹ nên lưu giữ theo hồ sơ.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 38A8011077 ngày 08/12/2016 tên chủ đại diện hộ kinh doanh là Lý Thiết Long, sinh năm 1994; tên hộ kinh doanh “108 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ” trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- 01 Sổ hộ khẩu số 350000955 và 01 chứng minh nhân dân số 233098126 đều mang tên Văn Thị Kim Hà trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo H.A.T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- Áp dụng: khoản 1 khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo H.A.T **30 (Ba mươi)** tháng cải tạo không giam giữ trừ 18 ngày tạm giam x 3 ngày = 54 ngày, còn lại phải chấp hành 28 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo H.A.T cho UBND phường D.H.K, quận L.C, thành phố H cùng gia đình bị cáo có trách nhiệm với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*);

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền **688.601.124 đồng (Sáu trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm linh một nghìn một trăm hai mươi bốn đồng)** để sung quỹ nhà nước.

- Buộc H.A.T phải trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá 20%/ năm cho là 117.418.876 đồng cho những người vay tiền của bị cáo, cụ thể:

Trả lại cho chị **H:** 4.385.275 đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng*);

Trả lại cho chị **Bùi Thị Hồng Lua:** 2.270.548 đồng (*hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*);

Trả lại cho chị **Bùi Thị Sang:** 979.453 đồng (*Chín trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng*);

Trả lại cho bà **C.T.H:** 3.526.029 đồng (*Ba triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi chín đồng*);

Trả lại cho chị **Đặng Thị Thu Hương:** 1.113.014 đồng (*Một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng*);

Trả lại cho bà **Đặng Thị Quý:** 2.088.015 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn không trăm mười lăm đồng*);

Trả lại cho Anh **Đào Quốc Vỉnh:** 1.313.357 đồng (*Một triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*);

Trả lại cho Bà **Đoàn Thị Duyên:** 3.828.768 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng*);

Trả lại cho Ông **Hà Mạnh Dũng:** 1.179.795 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*);

Trả lại cho ông **Hà Văn Đệ:** 3.205.480 đồng (*Ba triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*);

Trả lại cho Bà **Hàn Ngọc Tuyết**: 1.157.535 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*);

Trả lại cho ông **H.T**: 3.080.823 đồng(*Ba triệu không trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng*);

Trả lại cho bà **Lâm Thị Hương**: 2.404.110 đồng(*Hai triệu bốn trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng*);

Trả lại cho anh **Lê Anh Nam**: 1.803.083 đồng (*Một triệu tám trăm linh ba nghìn không trăm tám mươi ba đồng*);

Trả lại cho anh **Lê Duy Lam**: 801.370 đồng(*Tám trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Ánh**: 1.179.795 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Cúc**: 1.513.699 đồng (*Một triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Hoàng Trang**: 1.179.795(*Một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Kim Nga**: 2.582.192đồng (*Hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Lan Thanh**: 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Sang**: 3.606.165 đồng(*Ba triệu sáu trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*);

Trả lại cho chị **Lê Thị Thơm**: 333.905 đồng (*Ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm linh năm đồng*);

Trả lại cho Anh **Lưu Thanh Hoàng**: 2.315.069 đồng(*Hai triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng*);

Trả lại cho **chị Ngô Thị Nga**: 2.537.672đồng (*Hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng*);

Trả lại cho chị **Nguyễn Ái Diễm**: 2.671.233 (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Chánh Thi**:1.869.864 đồng(*Một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Duy Khanh**:1.268.836 đồng(*Một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Hoàng Ngọc**: 2.226.028 đồng(*Hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi tám đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Hữu Thọ**: 3.205.480 đồng(*Ba triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Khắc Hưng**: 1.442.467 đồng(*Một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Minh Hoan**:3.561.644 đồng(*Ba triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*);

Trả lại cho anh **Nguyễn Thành Long**:511.987 đồng(*Năm trăm mười một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng*);

Trả lại cho chị **Nguyễn Thị Dư**: 2.626.713 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Hồng Giang**: 1.745.206 đồng (*Một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Ngọc Hồng**: 890.411 đồng (*Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Qua**: 1.291.096 đồng (*Một triệu hai trăm chín mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thi**: 801.370 đồng (*Tám trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thu Hương**: 356.165 đồng (*Ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*);

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Thủy**: 1.932.193 đồng (*Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi ba đồng*);

Trả lại cho ông **Nguyễn Văn Phụng**: 356.165 đồng (*Ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng*);

Trả lại cho ông **Nguyễn Văn Thọ**: 2.582.192 đồng (*Hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng*);

Trả lại cho chị **Phạm Đặng Thị Mỹ Hiền**: 1.157.535 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*);

Trả lại cho ông **Phạm Hữu Hạnh**: 2.181.507 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng*);

Trả lại cho ông **Phạm Minh Hưng**: 2.493.151 đồng (*Hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng*);

Trả lại cho bà **Phạm Thị Kim Oanh**: 1.535.959 đồng (*Một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*);

Trả lại cho bà **Phạm Thị Kim Vy**: 244.864 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*);

Trả lại cho bà **Phạm Thị Thúy Hà**: 1.202.055 đồng (*Một triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*);

Trả lại cho ông **Phạm Xuân Thiện**: 1.313.357 đồng (*Một triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*);

Trả lại cho bà **Phan Thị Duy Lại**: 2.181.507 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng*);

Trả lại cho bà **Thạnh Mỹ Dung**: 2.270.549 đồng (*Hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng*);

Trả lại cho bà **Trần Thị Kim Phượng**: 2.760.275 đồng (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng*);

Trả lại cho bà **Trần Thị Thắm**: 2.791.440 đồng (*Hai triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*);

Trả lại cho bà **Trần Thị Thanh Hòa**: 3.027.398 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*);

Trả lại cho bà **Trịnh Thị Diễm Phúc**: 994.522 đồng (*Chín trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi hai đồng*);

Trả lại cho bà **Trương Thị Thảo**: 1.113.014 đồng (Một triệu một trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng);

Trả lại cho bà **Văn Thị Kim Hà**: 951.370 đồng (Chín trăm mười mười một nghìn ba trăm bảy mươi đồng);

Trả lại cho bà **Văn Thị Nguyệt**: 1.736.302 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm linh hai đồng);

Trả lại cho bà **V.T.L**: 1.135.275 đồng (Một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng);

Trả lại cho ông **Võ Thanh Hùng**: 373.973 đồng (Ba trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng);

Trả lại cho bà **Võ Thị Công**: 1.157.535 đồng (Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng);

Trả lại cho bà **Võ Thị Đào**: 2.626.713 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng);

Trả lại cho bà **Võ Thị Minh Châu**: 890.412 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười hai đồng);

Trả lại cho ông **Võ Văn Vĩnh**: 2.306.166 đồng (Hai triệu ba trăm linh sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng).

- Buộc những người liên quan phải nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo H.A.T để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Bà **H** nộp lại số tiền: 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

2. Bà **Bùi Thị Hồng Lụa** nộp lại số tiền: 7.250.000đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng);

3. Bà **Bùi Thị Sang** nộp lại số tiền: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

4. Bà **C.T.H** nộp lại số tiền: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng);

5. Bà **Đặng Thị Thu Hương** nộp lại số tiền: 2.050.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng);

6. Bà **Đặng Thị Quý** nộp lại số tiền: 1.805.000đ (Một triệu tám trăm linh năm nghìn đồng);

7. Ông **Đào Quốc Vỉnh** nộp lại số tiền: 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

8. Bà **Đoàn Thị Duyên** nộp lại số tiền: 8.650.000đ (Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

9. Ông **Hà Mạnh Dũng** nộp lại số tiền: 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

10. Ông **Hà Văn Đệ** nộp lại số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

11. Bà **Hàn Ngọc Tuyết** nộp lại số tiền: 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng);

12. Ông **H.T** nộp lại số tiền: 2.460.000đ (Hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng);

13. Bà **Lâm Thị Hương** nộp lại số tiền: 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

14. Anh **Lê Anh Nam** nộp lại số tiền: 4.925.000đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
15. Anh **Lê Duy Nam** nộp lại số tiền: 15.500.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*);
16. Bà **Lê Thị Ánh** nộp lại số tiền: 3.375.000đ (*Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);
17. Bà **Lê Thị Cúc** nộp lại số tiền: 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*);
18. Bà **Lê Thị Hoàng Trang** nộp lại số tiền: 3.425.000đ (*Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
19. Bà **Lê Thị Kim Nga** nộp lại số tiền: 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*);
20. Bà **Lê Thị Lan Thanh** nộp lại số tiền: 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
21. Bà **Lê Thị Sang** nộp lại số tiền: 10.050.000đ (*Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);
22. Bà **Lê Thị Thơm** nộp lại số tiền: 3.075.000đ (*Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);
23. Bà **Ngô Thị Nga** nộp lại số tiền: 12.750.000đ (*Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
24. Chị **Nguyễn Thị Ái Diễm** nộp lại số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*);
25. Anh **Nguyễn Chánh Thi** nộp lại số tiền: 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*);
26. Anh **Nguyễn Duy Khanh** nộp lại số tiền: 8.125.000đ (*Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
27. Anh **Nguyễn Hoàng Ngọc** nộp lại số tiền: 37.500.000đ (*Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*);
28. Ông **Nguyễn Hữu Thọ** nộp lại số tiền: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*);
29. Ông **Nguyễn Khắc Hưng** nộp lại số tiền: 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*);
30. Ông **Nguyễn Thành Long** nộp lại số tiền: 2.125.000đ (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
31. Bà **Nguyễn Thị Dư** nộp lại số tiền: 4.950.000đ (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*);
32. Chị **Nguyễn Thị Hồng Giang** nộp lại số tiền: 3.560.000đ (*Ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*);
33. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hồng** nộp lại số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*);
34. Bà **Nguyễn Thị Qua** nộp lại số tiền: 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
35. Bà **Nguyễn Thị Thi** nộp lại số tiền: 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*);
36. Bà **Nguyễn Thị Thu Hương** nộp lại số tiền: 5.900.000đ (*Năm triệu chín trăm nghìn đồng*);

37. Bà **Nguyễn Thị Thủy** nộp lại số tiền: 2.760.000đ (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*);
38. Ông **Nguyễn Văn Phụng** nộp lại số tiền: 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*);
39. Ông **Nguyễn Văn Thọ** nộp lại số tiền: 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*);
40. Chị **Phạm Đặng Thị Mỹ Hiền** nộp lại số tiền: 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*);
41. Ông **Phạm Hữu Hạnh** nộp lại số tiền: 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
42. Anh **Phạm Minh Hưng** nộp lại số tiền: 6.050.000đ (*Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*);
43. Chị **Phạm Thị Kim Oanh** nộp lại số tiền: 1.375.000đ (*Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);
44. Chị **Phạm Thị Kim Vy** nộp lại số tiền: 3.575.000đ (*Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);
45. Chị **Phạm Thị Thúy Hà** nộp lại số tiền: 23.250.000đ (*Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);
46. Anh **Phạm Xuân Thiện** nộp lại số tiền: 975.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);
47. Chị **Phan Thị Duy Lại** nộp lại số tiền: 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
48. Chị **Thạch Mỹ Dung** nộp lại số tiền: 7.250.000đ (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);
49. Chị **Trần Thị Kim Phụng** nộp lại số tiền: 3.300.000đ (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*);
50. Chị **Trần Thị Thắm** nộp lại số tiền: 3.325.000 đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
51. Chị **Trịnh Thị Diễm Phúc** nộp lại số tiền: 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*);
52. Chị **Trương Thị Thảo** nộp lại số tiền: 3.700.000đ (*Ba triệu bảy trăm nghìn đồng*);
53. Chị **Văn Thị Kim Hà** nộp lại số tiền: 2.750.000đ (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*);
54. Chị **Văn Thị Nguyệt** nộp lại số tiền: 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*);
55. Chị **V.T.L** nộp lại số tiền: 3.625.000đ (*Ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);
56. Anh **Võ Thanh Hùng** nộp lại số tiền: 4.900.000đ (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*);
57. Chị **Võ Thị Công** nộp lại số tiền: 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*);
58. Chị **Võ Thị Đào** nộp lại số tiền: 4.950.000đ (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*);

59. Chị **Võ Thị Minh Châu** nộp lại số tiền: 480.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng*);

60. Anh **Võ Văn Vĩnh** nộp lại số tiền: 1.040.000đ (*Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 6.450.000 đồng đã thu giữ được của bị cáo Hiện đang tạm gửi tại tài khoản của chi cục thi hành án dân sự thành phố K theo ủy nhiệm chi chuyên khoản 05/7/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh K và Chi cục thi hành án thành phố K.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba màu đen của H.A.T (*đã được niêm phong*); 01 USB màu đen, trên USB có chữ “Tran Scend 4G” và 01 USB màu ghi trên USB có chữ “Kingmax 8G”, hai USB trên của H.A.T đã được niêm phong; 03 điện thoại di động H.A.T dùng để nghe và gọi điện giao dịch với khách vay tiền; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen có số imei 353423093192240; 01 điện thoại di động NOKIA màu trắng đen có số imei 357328087747600; 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh đen có số imei 1 là 357339083307844, số imei 2 là 357339086307841.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 tập giấy dán tường gồm 14 tờ có nội dung “CHO VAY TIỀN MẶT ĐT: 0868920589”; 01 tập tài liệu khổ giấy A4 (tài liệu mẫu hồ sơ vay) gồm “Giấy thuê xe”, “Giấy bàn giao xe” gồm 12 tờ được đánh số từ 01 đến 12 trên mỗi tờ có chữ ký của H.A.T;

Trả lại cho bà Văn Thị Kim Hà: 01 Sổ hộ khẩu số 350000955 và 01 chứng minh nhân dân số 233098126 đều mang tên Văn Thị Kim Hà. Trả lại cho anh Lý Thiết Long 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 38A8011077 ngày 08/12/2016 tên chủ đại diện hộ kinh doanh là Lý Thiết Long, sinh năm 1994; tên hộ kinh doanh “108 NGUYỄN TRƯỜNG TÔ”.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo H.A.T phải nộp **200.000 (Hai trăm ngàn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-9-2019), bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP KonTum;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP K;
- UBND.Phường Trường Chinh, tp K;
- Những người tham gia tổ tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Văn Toàn